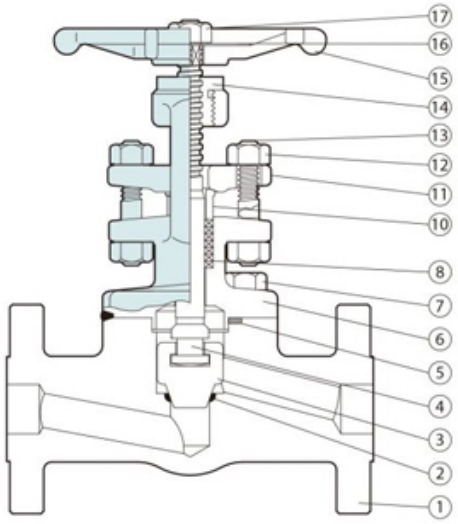


VAN HƠI THÉP RÈN A105 NỐI BÍCH ANSI CLASS 150 RF

NHÃN HIỆU	DR
TÊN SẢN PHẨM	VAN HƠI THÉP RÈN A105 NỐI BÍCH ANSI CLASS 150 RF
Kết Nối	Mặt bích ANSI Class 150 RF
Thân Van	Thép đúc áp lực / rèn Forged Steel ASTM A105
Nắp Van	Thép đúc áp lực / rèn Forged Steel ASTM A105
Đĩa Van	Thép không gỉ / Inox ASTM A182-F6a+13%Cr
Đế Van	Thép không gỉ / Inox ASTM A276-SS410
Ty Van	Thép không gỉ ASTM A276-410 / SS410+13%Cr
Đệm Kín	Thép không gỉ / Inox 304+ phủ than chì
Áp Lực	Class 150 Lbs
Nhiệt Độ	Max 425°C
Sử Dụng	Xăng, Dầu, Gas, Hơi nóng, Khí nén, Nước,
Kích Cỡ	DN15 → DN50 ~ (1/2" inch → 2" inch)
Tình Trạng	Hàng có sẵn, mới 100%

GLOBE VALVES – BOLTED / WELDED BONNET – FULL PORT



No.	Parts	Material	A.S.T.M.
1	Body	Forged Steel	A105N
2	Seat Ring	Stellite 6 faced A276-410	
3	Wedge	13Cr Stainless Steel	A182-F6a
4	Stem	13Cr Stainless Steel	A276-410
5	Gasket	304 Spiral Wound Graphite	
6	Bonnet	Forged Steel	A105N
7	Bonnet Bolt	Alloy Steel	A193-B7
8	Gland Packing	Graphoil	
10	Gland	Stainless Steel	A276-316
11	Gland Flange	Forged Steel	A105
12	Gland Nut	Carbon Steel	A194-2H
13	Gland Bolt	Stainless Steel	A193-B6
14	Yoke Sleeve	13Cr Stainless Steel	A582-416
15	Handwheel	Malleable Iron	A47
16	Name Plate	Aluminum	
17	Handwheel Nut	Carbon Steel	A563A

CLASS 150 / 300 / 600 - API 602 / ASME B16.34 / BS 5352

Unit: mm (inch)

Port	Valve Size	Handwheel Diameter	Face to Face			Center to Top (Open)			Dia. of Port Openings	Weight Kg (Lb)		
			Class 150	Class 300	Class 600	Class 150	Class 300	Class 600		Class 150	Class 300	Class 600
Full	1/2	86 (3.39)	108 (4.25)	152 (6.00)	165 (6.50)	168 (6.61)	152 (5.98)	152 (5.98)	13.0 (0.51)	3.1 (6.80)	4.0 (8.80)	4.6 (10.1)
	3/4	99 (3.90)	117 (4.62)	178 (7.00)	190 (7.50)	188 (7.40)	188 (7.40)	188 (7.40)	17.5 (0.69)	4.9 (10.8)	6.2 (13.7)	6.8 (15.0)
	1	124 (4.88)	127 (5.00)	203 (8.00)	216 (8.50)	219 (8.62)	219 (8.62)	219 (8.62)	29.5 (1.16)	9.2 (20.3)	11.4 (25.1)	12.7 (28.0)
	11/2	138 (5.43)	165 (6.50)	229 (9.00)	241 (9.50)	260 (10.2)	260 (10.2)	260 (10.2)	35.0 (1.38)	13.9 (30.7)	15.4 (34.0)	16.3 (35.9)
	2	157 (6.18)	203 (8.00)	267 (10.5)	292 (11.50)	324 (12.8)	324 (12.8)	324 (12.8)	45.5 (1.79)	18.7 (41.2)	21.5 (47.4)	23.6 (52.0)

Sản phẩm khác



Van cổng inox 304 nối hàn

Xem thêm Van cổng inox 304 nối hàn



Van cửa inox 304 nối hàn A182

Xem thêm Van cửa inox 304 nối hàn A182



Van cầu hơi inox a182

Xem thêm Van cầu hơi inox a182



Van cổng hàn lồng A105

Xem thêm Van cổng hàn lồng A105



Van hoi áp lực inox 304 nối hàn a105

Xem thêm Van hoi áp lực inox 304 nối hàn a105



Van cổng Mặt bích RF, A351-CF8M Class150

Xem thêm Van cổng Mặt bích RF, A351-CF8M Class150